

Số: 50/BC-MNXPL

Pom Lót, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Kết quả hoạt động của Trường Mầm non xã Pom Lót
năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường mầm non xã Pom Lót
- Địa chỉ:** Thôn 6, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Địa chỉ thư điện tử:** mnxpl.hdb@dienbien.edu.vn; Cổng hoặc trang thông tin điện tử: <https://mnpomlot.huyendienbien.edu.vn>
- Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập. Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên

5. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

5.1. Sứ mạng

Xây dựng nhà trường trở thành ngôi trường Hạnh phúc với phương châm Trẻ em an vui, cô giáo yên tâm, phụ huynh an lòng. Quyền trẻ em được tôn trọng; trẻ em được sống, học tập trong một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện.

5.2. Tầm nhìn

Trường mầm non xã Pom Lót phấn đấu xây dựng trở thành một ngôi trường hạnh phúc cho tất cả cán bộ GVNV và học sinh, nơi tất cả mọi thành viên đều cảm nhận được niềm vui, sự bình an để từ đó phát huy cao nhất khả năng của mỗi người, nơi tình yêu thương được chia sẻ để thắp sáng mơ ước của mỗi học sinh ươm mầm những nhân cách tốt, nơi các giáo viên được yêu thương để đồng hành cùng nhau phát triển nhà trường, trao yêu thương đến học sinh và khẳng định giá trị của bản thân, trở thành những nhà giáo tâm huyết và sáng tạo. Trường trở thành trường đạt chuẩn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo hướng đổi mới hội nhập. Học sinh trường mầm non xã Pom Lót là những bạn nhỏ hạnh phúc, biết yêu thương và lan tỏa tình yêu thương với thông điệp “Trẻ hạnh phúc – cô hạnh phúc – ngôi trường hạnh phúc – phát triển bền vững” từ đó định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai với khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phát triển một cách toàn diện về tình cảm, thể chất trí tuệ, thẩm mỹ, mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp tiếng Việt thành thạo là nền tảng cho trẻ bước vào trường tiểu học.

5.3. Mục tiêu của nhà trường

- Nuôi dưỡng cho bé tâm hồn giàu cảm xúc, giàu tình yêu thương cho chính bản thân mình và cho mọi người là mục tiêu hàng đầu.
- Chăm cho trẻ phát triển thể chất khỏe mạnh, linh hoạt, dẻo dai và ưa hoạt động rèn luyện sức khỏe.
- Kích thích trẻ phát triển nhận thức đi cùng phát triển khả năng tư duy nhạy bén và óc sáng tạo.
- Hình thành tính tự lập, lòng tự tin, mạnh dạn thể hiện con người chân thật của mình, thực hành khả năng lựa chọn và ra quyết định.
- Tập cho bé nếp sống văn minh: cư xử lịch sự & tôn trọng mọi người, biết xếp hàng chờ, yêu thương & sẻ chia, để rác đúng chỗ, tình yêu thiên nhiên & phong cách sống tôn trọng đối với môi trường tự nhiên...

6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường mầm non Pom Lót trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên được thành lập năm 1979, trải qua 47 năm xây dựng và phát triển, với sự chung tay đoàn kết cố gắng và nỗ lực phấn đấu của tập thể, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích nổi bật, được công nhận trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 năm 2004. Nhiều năm trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến và tập thể lao động xuất sắc được UBND tỉnh tặng Bằng khen, tặng cờ thi đua và năm học 2022-2023 nhà trường vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc được Công đoàn giáo dục, Liên đoàn Lao động huyện Điện Biên tặng giấy khen. Trường gồm 01 trung tâm và 3 điểm trường lẻ với tổng diện tích đất 3696m², trong đó điểm trường Trung tâm 2410m²; điểm trường Pá Nậm: 344m²; điểm trường Na Hai: 629m² và điểm trường Thanh Xuân: 313m². Trường xây dựng gồm 13 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác CSGD trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp - thân thiện, có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định như phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng họp của giáo viên, thư viện với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Nhà trường có tổng số 30 CBQL - GV - NV (trong đó cán bộ quản lý 03 đồng chí, giáo viên 25, nhân viên 2). BGH đều có trình độ chuyên môn Đại học; trung cấp lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý. Trình độ vượt chuẩn (Đại học) của Giáo viên đạt tỉ lệ 100% ; Nhân viên kế toán, bảo vệ, Cấp dưỡng, Bảo vệ

đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; được cơ cấu gồm 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Đội ngũ CBQL, GV, NV là nhân tố quyết định chất lượng CS-GD trẻ. Chính vì vậy việc lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cho đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng là vấn đề được nhà trường hết sức chú trọng; 100% VC-NLĐ nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trên chuẩn; có năng lực chuyên môn vững vàng, nắm vững yêu cầu, nội dung và phương pháp CS-GD trẻ; giáo viên dạy giỏi các cấp có 21/25 đạt 84% (giỏi cấp huyện 6/21 đạt 28,6%, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2/21 đạt 9,5%).

Trường có 1 chi bộ độc lập gồm 27 đảng viên, tỷ lệ đảng viên trong nhà trường đạt 93,1%. Chi bộ Đảng trong nhà trường liên tục hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ, luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong nhà trường, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao và nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ; chú trọng công tác xây dựng Đảng trên cả các mặt về chính trị tư tưởng và tổ chức; quan tâm công tác bồi dưỡng thế hệ trẻ; công tác kết nạp đảng viên mới hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu quy định.

Trường có Công đoàn trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện gồm 30 đoàn viên; luôn phát huy tốt vai trò hoạt động trong nhà trường, thực sự là tổ ấm của tập thể CB,GV,NV; phối hợp chặt chẽ với Ban giám hiệu nhà trường trong các hoạt động; và thực hiện tốt phong trào thi đua xây dựng người cán bộ, viên chức “Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”.

Hội đồng trường và Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với sự quyết tâm cố gắng vươn lên và lòng yêu nghề mến trẻ của tập thể VC-NLĐ nhà trường trong công tác chăm sóc- giáo dục trẻ, được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, các ban ngành, đoàn thể và sự nhiệt tình ủng hộ cao của tất cả các bậc cha mẹ học sinh. Sau nhiều năm xây dựng và trưởng thành trong điều kiện khó khăn, vất vả song đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để quyết tâm thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Đề ghi nhận kết quả về sự cố gắng nỗ lực đó, trường mầm non xã Pom Lót được công nhận “Chuẩn quốc gia mức độ I” theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên. Trường Mầm non xã Pom Lót đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 6/11/2020.

Có được niềm vinh dự đó là cả quá trình kiên trì bền bỉ phấn đấu đầy tâm huyết của Đảng ủy, chính quyền địa phương của toàn thể nhân dân xã Pom Lót,

sự đầu tư, giúp đỡ của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên và đặc biệt là công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Quyết tâm giữ vững những thành tích đạt được và không ngừng phấn đấu vươn lên của tập thể CB, GV, NV nhà trường.

Đạt được những kết quả như ngày hôm nay, chính là nhờ sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo HĐND, UBND huyện Điện Biên, lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Pom Lót cùng với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể viên chức và người lao động nhà trường. Tập thể trường mầm non xã Pom Lót, phấn đấu giữ vững những thành quả đã đạt được và quyết tâm đạt nhiều kết quả hơn nữa trong thời gian tới. Tiếp tục phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế./.

6. Thông tin người đại diện liên hệ

Người đại diện: Vũ Thị Thanh Huyền, chức vụ Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng, số ĐT: 0359393028, địa chỉ thư điện tử huyenvtt.mnxpl.hdb@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non xã Pom Lót, thôn 6 - xã Pom Lót - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định thành lập trường: Số 3872/QĐ-UBND ngày 3/10/2013 của UBND huyện Điện Biên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: số 2864/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 và Quyết định số 3422/QĐ-UBND, ngày 20/11/2023.

- Hội đồng trường gồm 09 thành viên có tên sau:

Danh sách Hội đồng trường MN xã Pom Lót

Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Hiệu trưởng - Chủ tịch hội đồng trường

Bà Phạm Thị Duyên- Phó hiệu trưởng

Bà Đỗ Thị Quế - Phó hiệu trưởng

Bà Lê Thị Thanh Thương - Tổ trưởng tổ Bé - Nhà trẻ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Yến – Tổ trưởng tổ MGN-Lớn

Bà Ngô Thị Dung – Tổ phó tổ MGN-Lớn

Bà Quàng Thị Thương – Giáo viên – Bí thư ĐTNCSHCM

Bà Nguyễn Thị Chín – Ban đại diện CMHS

Đại diện lãnh đạo UBND xã Pom Lót

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Vũ Thị Thanh Huyền (số 610/QĐ-UBND ngày 31/3/2021).

- Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Duyên (số 2248/QĐ-UBND ngày 20/7/2022),
phó hiệu trưởng Đỗ Thị Quế (số 2993/QĐ-UBND ngày 28/10/2024).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của nhà trường

- Quy chế tổ chức và hoạt động:

Trường Mầm non xã Pom Lót là cơ sở giáo dục Mầm non của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường được ủy ban nhân dân huyện Điện Biên quản lý. Chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường bao gồm: Tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục; nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên; nhiệm vụ và quyền của học sinh; tài sản và tài chính của nhà trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của trường:

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

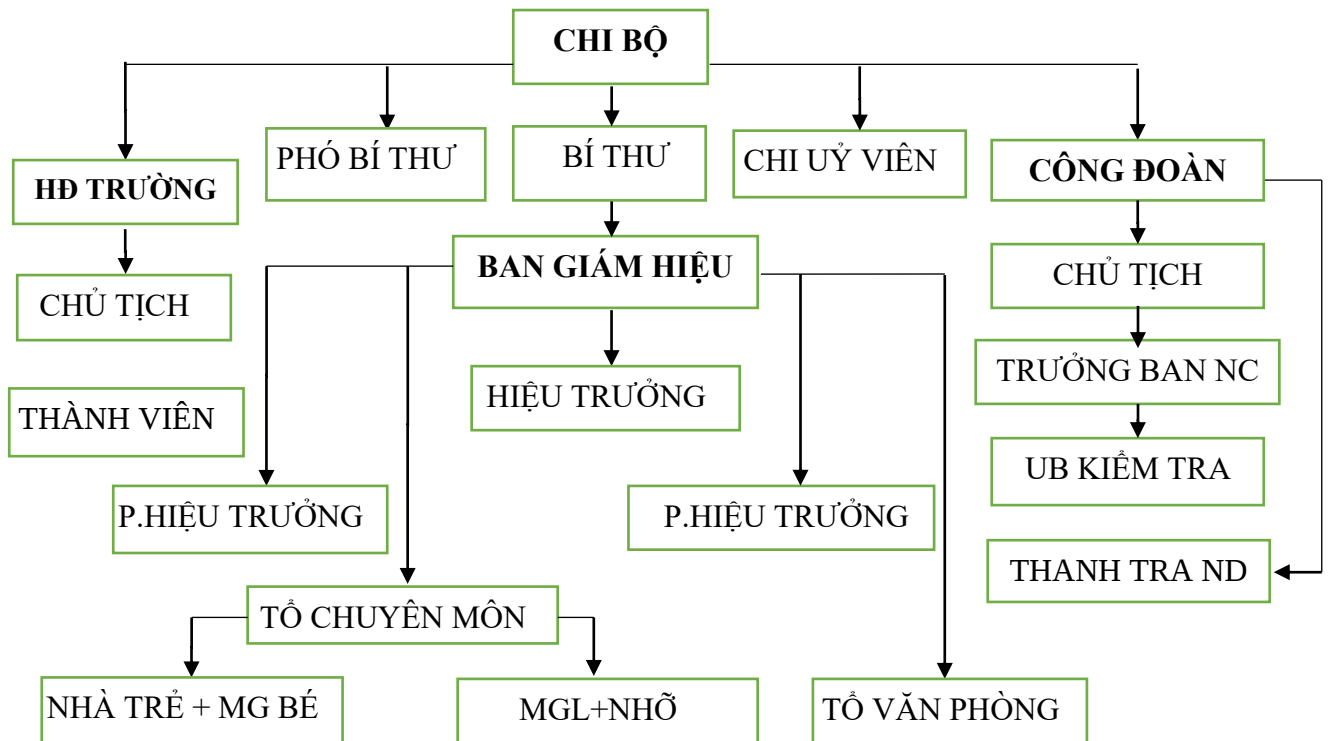
Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



e) Thông tin của người đứng đầu nhà trường

- Bà Vũ Thị Thanh Huyền, chức vụ Hiệu trưởng, số ĐT: 0359393028, địa chỉ thư điện tử huyenvtt.mnxpl.hdb@dienbien.edu.vn

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non xã Pom Lót, thôn 6 - xã Pom Lót
- huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường;

+ Người được bổ nhiệm hiệu trưởng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định;

+ Hiệu trưởng trường công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm; hiệu trưởng trường dân lập, tư thục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận. Nhiệm kỳ của hiệu trưởng là 05 năm. Sau 05 năm, hiệu

trưởng được đánh giá và có thể bổ nhiệm lại hoặc công nhận lại. Hiệu trưởng công tác tại một trường công lập không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

+ Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm giải trình khi cần thiết.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý theo quy định; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển giao giáo viên, giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

+ Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; quyết định khen thưởng.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn hoặc tổ văn phòng; trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục 02 giờ trong một tuần; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục; phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

8. Các văn bản khác của nhà trường

Nhà trường đã ban hành các văn bản hành chính về thực hiện nhiệm vụ:

KH phát triển nhà trường: (Số 110/KH-MNPL ngày 11/9/2024); Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Số 79 /QĐ- HĐT-MNPL ngày 05/08/2024); Quyết định số (Số:122/QC-MNPL ngày 17/9/2024) về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Mầm non xã Pom lót; Kế hoạch số 93/KH-MNXPL ngày 29/8/2024 về kế hoạch tự đánh giá trường mầm non năm học 2024-2025; Kế hoạch số 106/KH-MNPL ngày 10/9/2024 về Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học năm học 2024-2025; Quyết định số 10/KH-MNPL ngày 5/1/2024 Quyết định ban hành Quy chế ngân sách năm 2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024							Năm học 2024-2025						
		Tổng số	Trình độ đào tạo						Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên	27	0	0	23	1	1	2	25	0	0	22	1	1	1
I	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	24			24				25			25			
1	GVMN hạng I	0							0						
2	GVMN hạng II	18			18				18			18			
3	GVMN hạng III	6			6				7			7			
4	Hỗ trợ GD người khuyết tật	0							0						
II	Vị trí lãnh đạo quản lý	3			3				3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2			2			
III	Chuyên môn dùng dùng chung														
1	Kế toán	1				1			1				1		
2	Y tế học đường	1					1		1					1	
IV	Vị trí hỗ trợ, phục vụ														
1	Nhân viên bảo vệ	1						1	1						1
2	Nhân viên nấu ăn	0							0						

(Nhà trường hợp đồng làm việc 03 nhân viên nấu ăn phục vụ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ tại trường).

2. Số lượng Cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
		Tổng số CBQL, GV	Tốt	Khá	Đạt	C.đạt	Tổng số CBQL, GV	Tốt	Khá	Đạt	C.đạt
1	CBQL	3	3				3	3			
2	Giáo viên	24	11	10	3		25	11	14		
Tổng số		27	14	10	3		28	14	14		

3. Số lượng, tỷ lệ Cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng theo quy định

Stt	Đối tượng	Kết quả bồi dưỡng	
		Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025

		Hoàn thành	Tỉ lệ%	Hoàn thành	Tỉ lệ%
1	Cán bộ quản lý	3/3	100	3/3	100
2	Giáo viên	24/24	100	25/25	100
Tổng số		27	100	28	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng (Diện tích)	Bình quân	Đạt/chưa đạt so với quy định
I	Diện tích đất			
1	Trung tâm trường	2410 m ²	9,84m ² /trẻ	Đạt
2	Điểm trường Thanh Xuân	313 m ²	8/trẻ	Đạt
3	Điểm trường Pá Nặm	344 m ²	13,2 m ² /trẻ em	Đạt
4	Điểm trường Na Hai	629 m ²	25,2 m ² /trẻ em	Đạt
II	Các khối phòng			
1	Hành chính quản trị			
1.1	Phòng Hiệu trưởng	20 m ²		Đạt
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	20 m ²		Đạt
1.3	Văn phòng trường	70 m ²		Đạt
1.4	Phòng nhân viên	20 m ²		Đạt
1.5	Phòng Bảo vệ	9 m ²		Đạt
1.6	Khu Vệ sinh CBGV, NV	6 m ²		Đạt
1.7	Khu để xe CBGVNV	35 m ²		Đạt
2	Khối phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ em			
2.1	Phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ em	600 m ²	1,75m ² /trẻ	Đạt
2.2	Phòng GD, Nghệ thuật	60 m ²	0,24 m ² /trẻ	Đạt
2.3	Phòng GD Thể chất	70 m ²	0,29 m ² /trẻ	Đạt
2.4	Khu Thư viện	60 m ²	0,24 m ² /trẻ	Đạt
2.5	Sân chơi riêng	794 m ²	2,32 m ² /trẻ	Đạt
3	Khối phòng tổ chức ăn			
3.1	Nhà bếp	95m ²	0,4 m ² /trẻ	Đạt
3.2	Kho bếp	8 m ²		Đạt
4.	Khối phụ trợ			
4.1	Phòng họp	40 m ²		Đạt

STT	Nội dung	Số lượng (Diện tích)	Bình quân	Đạt/chưa đạt so với quy định
4.2	Phòng Y tế	16 m ²		Đạt
4.3	Nhà kho	50 m ²		Đạt
4.4	Sân vườn	2232 m ²	6,5 m ² /trẻ	Đạt
4.5	Cổng hàng rào	1967 m ²		Đạt
5	Hạ tầng kỹ thuật			
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	4		Đạt
5.2	Hệ thống cấp điện	4		Đạt
5.3	Hệ thống PCCC	4		Đạt
5.4	Hạ tầng thông tin liên lạc	4		Đạt
5.5	Thu gom rác thải	4		Đạt
III	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/nhóm (lớp)	Đạt
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1bộ//1 nhóm lớp	Đạt
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		
IV	Đồ chơi ngoài trời, thiết bị phục vụ giáo dục khác			
1	Đồ chơi ngoài trời	32	8 bộ/sân chơi (trường)	Đạt
2	Thiết bị phục vụ giáo dục khác	12	1 bộ/nhóm (lớp)	
2.1	Ti vi	5	1 cái/1 lớp	
2.2	Máy PHOTO COPY	1	Phòng Phó HT	
2.3	Mic trợ giảng	2	0,3 máy /nhóm (lớp)	
2.4	Loa kéo	2		
2.5	Máy tính	7	Xách tay: 1, bàn 6	
2.6	Loa	1		
2.7	Máy chiếu	10		
2.8	Máy lọc nước	2	Trung tâm	
2.9	Năng lượng mặt trời	2	Trung tâm	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá và kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Để công tác tự đánh giá và Đánh giá ngoài được thực hiện theo đúng tinh thần hướng dẫn của các văn bản. Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non xã

Pom lốt đã tiến hành rà soát, tự đánh giá đúng quy trình theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT. Kết quả tự đánh giá cụ thể như sau:

* Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí).

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí).

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 13 tiêu chí).

* Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		

Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 03/06 tiêu chí.

Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non tự đánh giá kiểm định chất lượng Cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

b) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Thực hiện quy trình đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, nhà trường đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục. Chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

Sau khi thực hiện tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã xác định điểm mạnh, điểm yếu theo từng tiêu chí, trên cơ sở đó nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu với các biện pháp cụ thể; kết quả sau cải tiến chất lượng nhà trường cơ bản đã khắc phục được hầu hết các điểm yếu đã chỉ ra.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục qua các mốc thời gian:

- Trường đạt chuẩn quốc gia: Trường Chuẩn quốc gia mức độ I theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên.

- Kiểm định chất lượng giáo dục: Trường Mầm non xã Pom Lót đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 3186/QĐ- UBND ngày 6/11/2020.

b) Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài

Sau kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2020, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu mà đoàn đánh giá ngoài đã chỉ ra.

- Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định hiện hành, nhà trường vẫn duy trì kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024			Năm học 2024-2025		
		Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tổng số trẻ em, nhóm lớp				12	3	9
1	Tổng số nhóm lớp	12	3	8	12	3	9
1.1	Nhóm/lớp đơn	10	3	7	10	3	7
1.2	Lớp ghép 3-4 tuổi	1	0	1	1	0	1
1.3	Lớp ghép 3-4-5 tuổi	1	0	1	1	0	1
2	Tổng số trẻ em	363	91	272	223	68	155
2.1	Trẻ em nhóm/lớp đơn	298	91	207	298	80	218
2.2	Trẻ em lớp ghép 3-4 tuổi	20	0	20	26	0	26
2.2	Trẻ em lớp ghép 3-4-5 tuổi	25		25	18	0	18
II	Số trẻ em học 2 buổi/ ngày	363	91	272	342	80	262
III	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	363	91	272	342	80	262
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	363	91	272	342	80	262
1	Theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	363	91	272	342	80	262
1.1	Số trẻ cân nặng bình thường	354	87	267	335	77	258
1.2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	9	4	5	7	3	4
1.3	Số trẻ có chiều cao bình thường	354	87	267	335	77	258
1.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9	4	5	7	3	4
1.5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0	0	0	0	0
1.6	Số trẻ thừa cân, béo phì	0	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra sức khỏe định kỳ	363	91	272	342	80	262
V	Kết quả thực hiện hiện phổ cập GD cho trẻ em 5 tuổi						
1	Huy động trẻ MG 5 tuổi trên địa bàn ra lớp	95		95	94		94
2	Trẻ MG 5-6 tuổi học tại trường hoàn thành chương trình GDMN	95		95	94	0	94
VI	Số trẻ em khuyết tật	0	0	0	1	0	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
A	TỔNG THU	6.998.746.710	5.272.900.885
I	Thu ngân sách	6.988.746.710	5.272.900.885
1	Nguồn chi thường xuyên	6.496.134.033	5.135.095.385
2	Nguồn chi không thường xuyên	492.417.536	137.805.500
II	Thu giáo dục và đào tạo	96.940.000	105.045.500
1	Học phí	96.940.000	105.045.500
2	Thu khác	0	0
IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	6.998.746.710	5.297.900.885
I	Chi lương, thu nhập	5.878.906.967	4.563.647.473
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	5.878.906.967	4.563.647.473
2	Chi lương, thu nhập cho NLD		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	618.037.063	595.743.412
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	618.037.063	595.743.412
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)	0	0

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong

năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1 Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	40.000	40.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	30.000	30.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã	Đồng/tháng	25.000	25.000

2.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ HDCSGD khác, nguồn VĐTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm báo cáo (Năm 2023)
1	Dịch vụ ăn bán trú	Ngày/học sinh	17.000	16.000
2	Dịch vụ trông trưa	Ngày/học sinh	5.000	4.000
3	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	70.000
4	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	Không thu	50.000
5	Nguồn VĐTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	Tùy tâm

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	30	31
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	40.650.000	40.800.000

2	Chính sách CBMGHP theo ND 81/2021/NĐ-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt		
	CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%	101	18
	+ Mức Miễn giảm 50%	7	10
	+ Mức Miễn giảm 70%	9	19
	Tổng số tiền MGCBHP	24.354.000	11.455.500
3	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo ND 105/2020/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	41	49
	+ Định mức hỗ trợ	160.000	160.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	65.440.000	68.000.000
	+ lớp ghép	8.100.000	8.100.000

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2023)
1	Dịch vụ ăn bán trú	737.598.500	421.632.000
2	Dịch vụ trông trưa	233.485.000	113.630.000
3	Dịch vụ cung cấp nước uống		16.750.000
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	29.180.000	30.150.000
5	Nguồn VĐTT	96.920.000	99.410.000

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không có.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2024-2025, với tinh thần đoàn kết và sự nỗ lực phấn đấu, nhà trường đã đạt được một số kết quả nổi bật sau:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; nội quy, quy chế của nhà trường, của phòng giáo dục.

- 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 21/25 đạt 84%, trong đó giáo viên dạy giỏi cấp huyện 6/21 đạt 28,6%, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2/21 đạt 9,5%, có 01 giáo viên được UBND tỉnh tặng bằng khen.

- Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng trong trường mầm non: Tổng số CBQL: 03 người; có 03 CBQL được đánh giá, xếp loại trong đó: Mức tốt 3/3 tỷ lệ 100%.

- Kết quả đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: Tổng số giáo viên 25 người; có 25 giáo viên tự đánh giá, xếp loại. Trong đó: Xếp loại tốt 11/25 tỷ lệ 44%, khá 14/25 đạt 56% .

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt và vượt mức chỉ tiêu được giao, cụ thể: Mẫu giáo đạt 100%, nhà trẻ đạt 60,7% (vượt 4,3 % so với chỉ tiêu giao). Duy trì số lượng đạt 100% ; tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt trên 95%.

- Tham gia hội thi “ Ươm mầm tài năng nhí” cấp cụm đạt kết quả cao với 02 giải nhì, có 01 giải ba, có 01 tiết mục đạt giải tham gia công diễn cấp huyện.

- Kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu cuối tuổi độ ở 12/12 lớp. Tổng số trẻ mẫu giáo được đánh giá cuối độ tuổi là 262/262 trẻ. Tổng số trẻ đạt đánh giá cuối độ tuổi là 257/262 trẻ đạt 98,1%; tổng số trẻ chưa đạt mục tiêu cuối độ tuổi là 5/262 trẻ chiếm 1,9%.

+ Trẻ nhà trẻ được đánh giá cuối độ tuổi: 80/80 trẻ, tổng số trẻ đạt MT cuối độ tuổi là 77/80 trẻ đạt 96,3%; tổng số trẻ chưa đạt mục tiêu cuối độ tuổi là 3/80 trẻ chiếm 3,7%.

+ Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi: 94/94 trẻ đạt yêu cầu theo các mục tiêu đánh giá, đạt 100%.

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ

+ Cân nặng bình thường: 337/342 trẻ đạt 98,5%; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 5/342 chiếm 1,5%; Suy dinh dưỡng nhẹ cân mức độ nặng 0;

+ Chiều cao bình thường: 336/342 trẻ đạt 98,2%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 6/342 chiếm 1,7%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng: 0;

+ Cân nặng chiều dài/chiều cao: BT 342/342 trẻ đạt 100%; Suy dinh dưỡng thể gầy còm 0 chiếm 0%; Béo phì 0.

- Thực hiện tốt đề án 06 với 100% học sinh được đồng bộ cơ sở dữ liệu và 100% học sinh nộp học phí, chi trả chế độ chính sách không dùng tiền mặt.

- Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, góp phần duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã năm 2024.

- Nhà trường đã duy trì, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Thực hiện tốt việc xây dựng trường mầm non xanh- an toàn - thân thiện; xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích; trường học hạnh phúc; không có tai nạn thương tích xảy ra trong nhà trường.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đã huy động được nhiều nguồn lực vật chất tài trợ cho nhà trường để cải tạo cảnh quan môi trường và tu sửa cơ sở vật chất với tổng kinh phí trên 96 triệu đồng.

Trên đây là Báo cáo thường niên về kết quả hoạt động của Trường Mầm non xã Pom Lót năm học 2024 - 2025. Báo cáo này được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của nhà trường để CBQL, GV, NV, phụ huynh học sinh và các bên liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- UBND xã Pom Lót (b/c);
- Website trường;
- Lưu trường.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Thanh Huyền